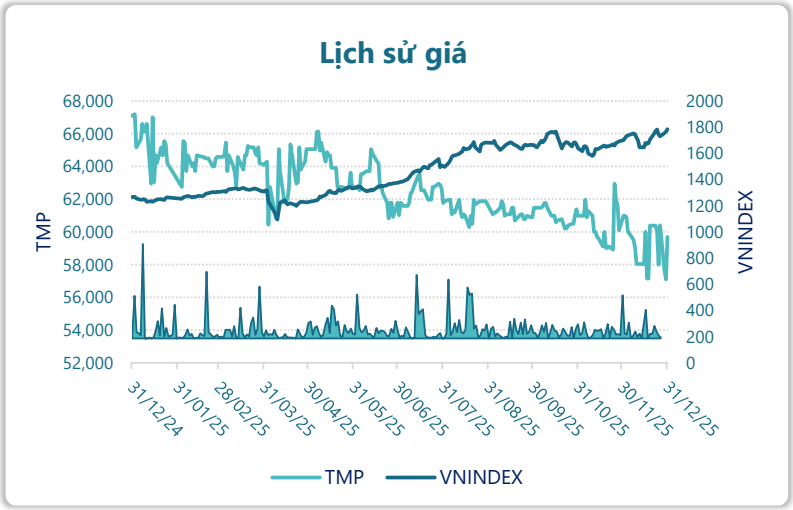
FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Mơ (HSX: TMP)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**59,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	67,191
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	57,100
SL cổ phiếu LH	70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,940
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,179
P/E	17.1
EPS	3,481

DT thuần

Q4/25

193

tỷ VNĐ

QoQ: ▼47.0| -19.5%

YoY: ▼40.0| -17.1%

LN sau thuế

Q4/25

75.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.3| -30.6%

YoY: ▼33.3| -30.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

53.8%

+/- YoY: ▼ 5.2%

DT thuần

2025

753

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.0| -1.3%

LN sau thuế

2025

322

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.0| -9.3%

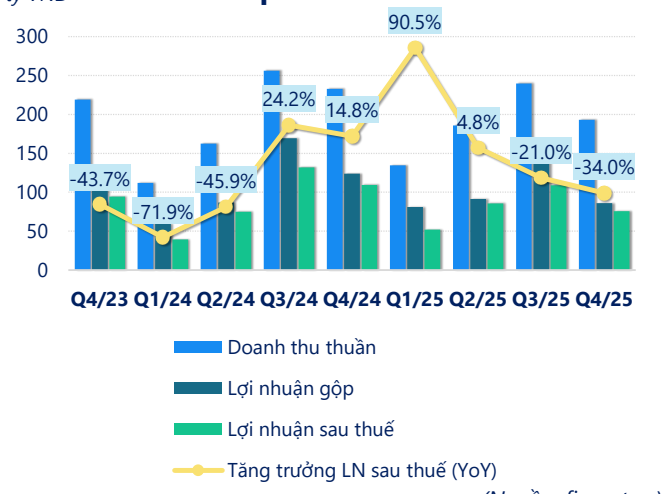
ROE

2025

15.1%

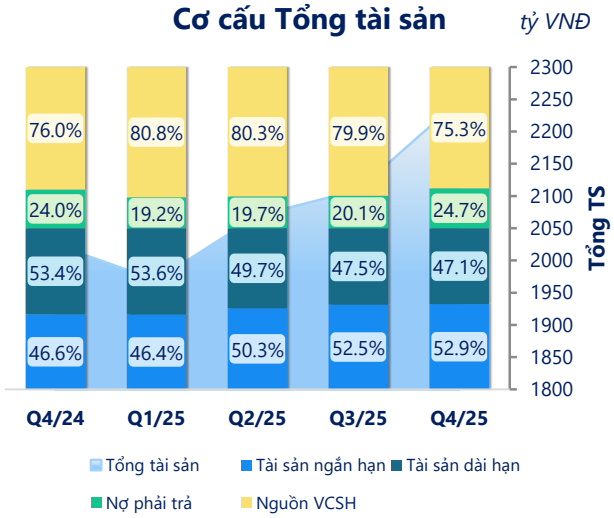
+/- YoY: ▼ 7.3%

Kết quả kinh doanh



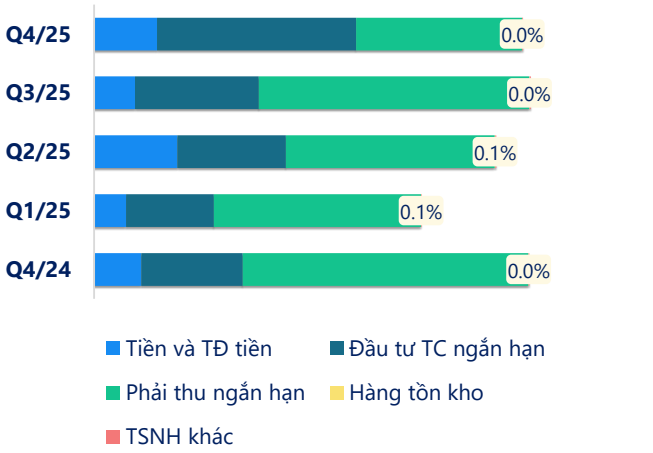
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



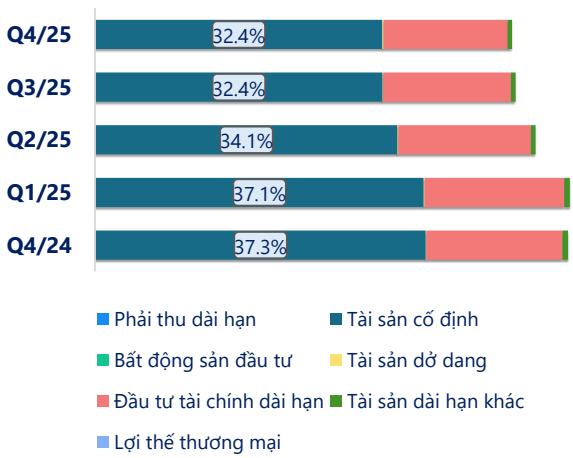
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



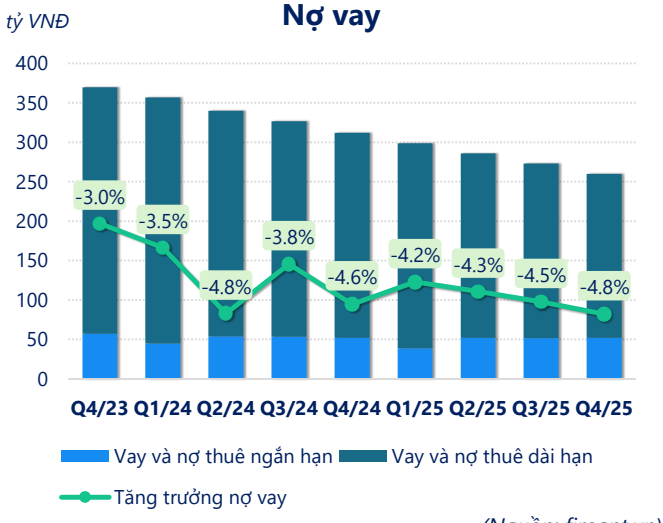
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



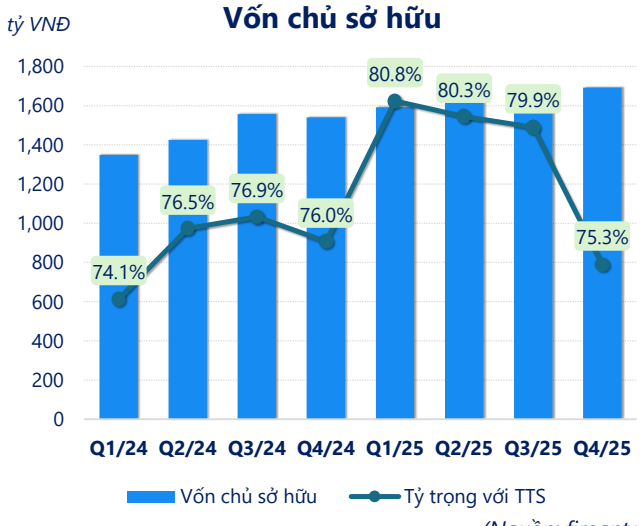
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



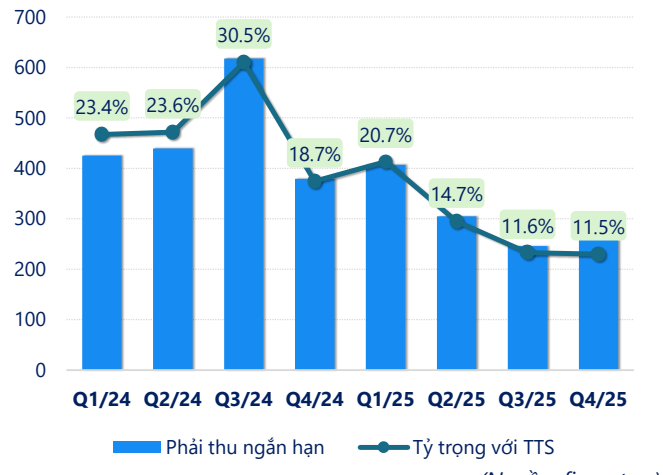
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



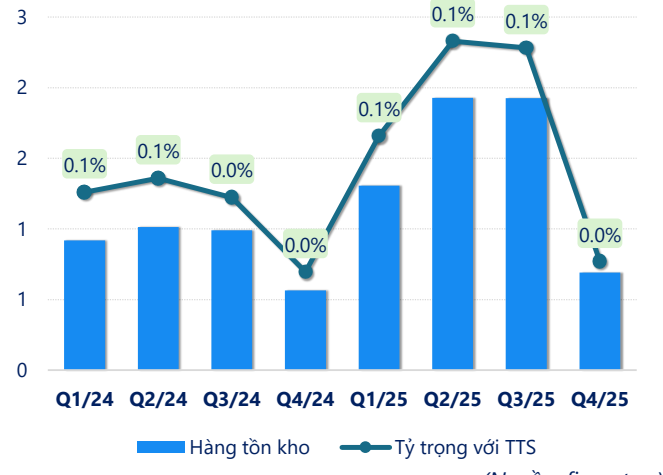
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



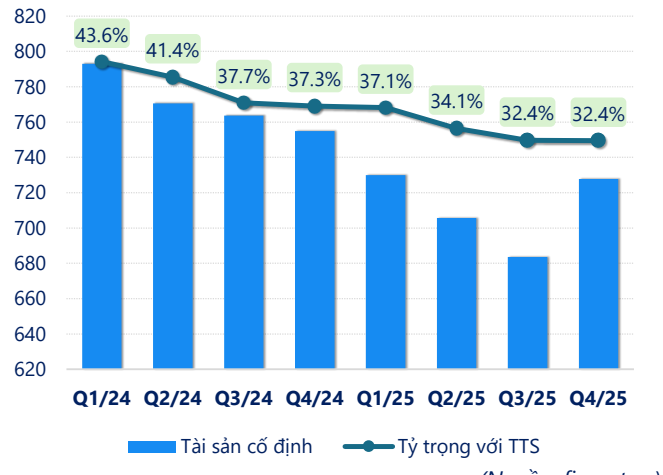
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



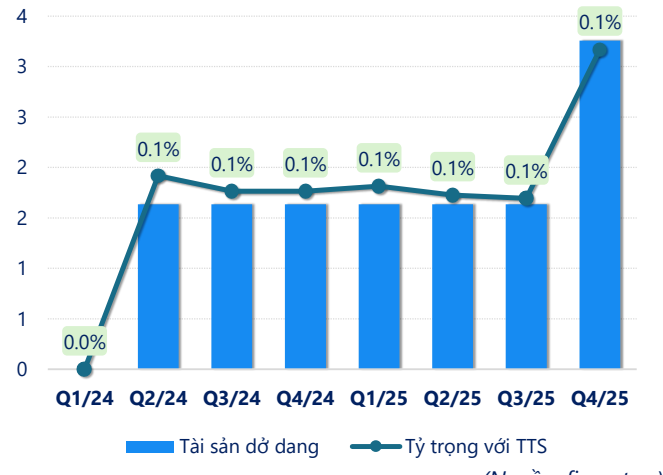
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



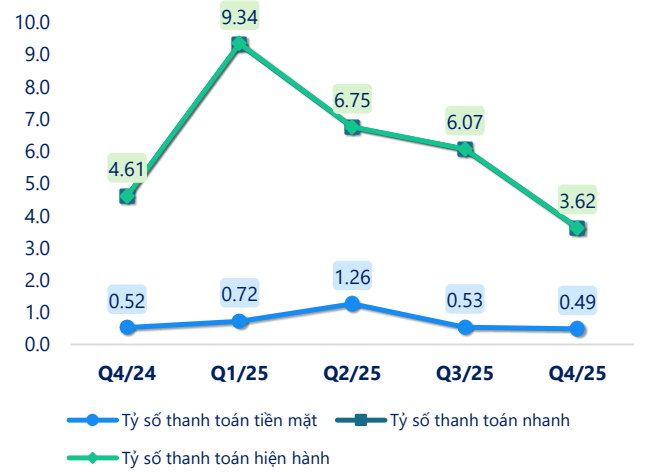
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



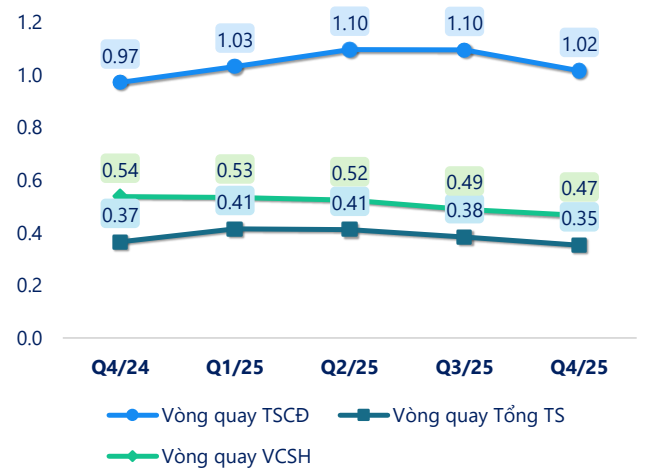
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,025**	**1,970**	**2,069**	**2,110**	**2,248**
Tài sản ngắn hạn	**944**	**914**	**1,040**	**1,108**	**1,190**
Tiền và tương đương tiền	108	70.8	194	97.6	160
Đầu tư tài chính ngắn hạn	455	432	536	759	768
Phải thu ngắn hạn	379	407	305	246	258
Hàng tồn kho	0.56	1.31	1.93	1.92	0.69
Tài sản ngắn hạn khác	1.96	2.78	3.40	3.69	3.17
Tài sản dài hạn	**1,081**	**1,056**	**1,029**	**1,002**	**1,058**
Phải thu dài hạn	0.90	0.90	0.91	0.91	0.96
Tài sản cố định	755	730	706	684	728
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.63	1.63	1.63	1.63	3.26
Đầu tư tài chính dài hạn	311	311	309	304	315
Tài sản dài hạn khác	12.7	12.6	11.6	11.3	11.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**485**	**378**	**408**	**423**	**556**
Nợ ngắn hạn	**205**	**97.8**	**154**	**182**	**328**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.9	38.9	52.0	51.8	52.1
Phải trả người bán ngắn hạn	34.9	15.5	20.2	11.5	101
Nợ dài hạn	280	280	254	241	228
Vay và nợ thuê dài hạn	260	260	234	221	208
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,540**	**1,592**	**1,662**	**1,686**	**1,692**
Vốn chủ sở hữu	**1,540**	**1,592**	**1,662**	**1,686**	**1,692**
Vốn điều lệ	700	700	700	700	700
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)